

## THỂ THƠ “PHÚ ĐẮC” TRONG THƠ NGŨ CHẾ CỦA HOÀNG ĐẾ MINH MỆNH

“PHU DAC” FORM IN NGU CHE POETRY BY KING MINH MENCH

*Nguyễn Huy Khuyển*

*Trường Đại học Đà Lạt*

Email: nguyengkhuyn.vnn@gmail.com

### TÓM TẮT

Trong quá trình nghiên cứu thơ ngũ chế của vua Minh Mệnh, chúng tôi nhận thấy trong hơn 3.600 bài thơ hiện còn có 87 bài thơ được vua làm theo lối “phú đắc”. Đây là thể thơ ít người làm, chủ yếu dùng trong văn chương khoa cử. Những bài thơ làm theo thể loại này đều có hai từ “phú đắc”. Đây là thể thơ khó bởi vì người làm cần phải am hiểu nội dung của một ý, một câu thơ khác, hoặc là một câu tục ngữ, phong dao, một thành ngữ. Người làm phú đắc cần diễn cho rõ và hết ý đầu bài, theo đầu bài thực sát mà không được phạm đề. Giải thích và phát triển ý của một câu ca dao hay một câu thơ bằng một bài thơ, nhưng nội dung phải phù hợp với đề tài của đầu đề bài thơ.

**Từ khóa:** thơ ngũ chế; vua Minh Mệnh; thể thơ phú đắc; thơ ngũ ngôn; bài luật.

### ABSTRACT

During the process of researching Ngu che Poetry by King Minh-Menh, it was found that there were 87 of 3600 poems that were composed based on the "Phu dac" form. This form was not popular and used mainly in literature examinations. The words "Phu dac" always exist in this form of poetry. This is a difficult form because the poets must have a good understanding of the content of an idea, another line or a proverb, a folk poem and an idiom. The "Phu dac" poets need to express the topic clearly and fully without violating the rules of form and content. Besides, they have to clarify and develop an idea of a folk poem or a poem line provided that the content is suitable for the topic of the poem title.

**Key words:** Ngu che poetry; King Minh Menh; Phu dac poetry; limerick poetry; poetry rules.

### 1. Khái niệm thể thơ phú đắc

Phú đắc là lối “trực trần kì sự”, trình bày sự việc cụ thể của đầu đề. Là một lối thơ cũng có niêm luật, có vần có đối như thơ Đường luật (gọi là bài luật), nhưng khác ở chỗ đầu bài sẵn có, hoặc là một câu thơ, hoặc là một câu tục ngữ, phong dao, một thành ngữ. Người làm phú đắc cần diễn cho rõ và hết ý đầu bài, theo đầu bài thực sát mà không được phạm đề. Giải thích và phát triển ý của một câu ca dao hay một câu thơ bằng một bài thơ, nhưng nội dung phải phù hợp với đề tài.

Từ điển Từ Hải giải thích:

凡摘取古人成句为诗题，题首多冠以“赋得”二字。如南朝梁元帝有《赋得兰泽多芳草》一诗。科举时代的试帖诗，因试题多取成句，故题前均有“赋得”二字。亦应用于应制之作及诗人集会分题。后遂将“赋得”视为一种诗体… [3]

(Phạm trích thủ cổ nhân thành cú vì thi đề,

*đề thủ đa quan dĩ “phú đắc” nhị tự. Như Nam Triều Lương Nguyên đế hữu “Phú đắc Lam trạch đa phương thảo” nhất thi. Khoa cử thời đại đích thí thiếp thi, nhân thí đề đa thủ thành cú, cổ đề tiền quân hữu “phú đắc” nhị tự. Diệc ứng dụng vu ứng chế chi tác cập thi nhân tập hội phân đề. Hậu toại tương “phú đắc” thị vi nhất chủng thi thể)*

Phạm trích dẫn câu thơ của người xưa làm đầu đề bài thơ, đầu đề lấy hai chữ “phú đắc”. Như hoàng đế Lương Nguyên Nam triều có một bài *Phú đắc lan trạch đa phương thảo*. Đề thi trong thời khoa cử thường dùng lối thí thiếp (bài thơ 6 vần 12 câu), nhân đó lấy đề làm thành bài thơ, cho nên trước đề đều có hai chữ phú đắc. Cũng được áp dụng thơ ứng chế trong sáng tác của các thi nhân, sau này hai chữ phú đắc được xem là một thể loại thơ.

Theo Nguyễn Thanh Châu: “*Thơ phú đắc đầu đề thay vì ra vài chữ, lại cho một hai câu thơ*

*cổ hay tục ngữ phong dao làm đề tài, bài thơ phải diễn được trọn ý tứ trong các câu ấy*” [1, tr.107].

Đọc thi tập của vua Minh Mệnh ta thấy rất nhiều bài phú đặc, là lẽ lối thơ thịnh hành vào thời đó. Có lần vua Minh Mệnh nói với Trương Đăng Quế và Hà Tông Quyền rằng: “*Từ trước đến nay, ra đầu đề thơ, phần nhiều ở trong bài thơ cổ, dùng chữ “phú đặc”, câu ấy ra đầu bài, đại khái nghĩ ra đầu bài ấy mà thôi, thế mà sĩ tử làm văn, phần nhiều dẫn dùng câu khác trong bài thơ ấy, như lấy “xuân du phương thảo địa” ra đầu bài thì làm văn lại dẫn các ý: “Hạ thường lục hà trì, thu ẩm hoàng hoa tửu”, sao lại câu nệ như thế. Giả thử đầu đề là phú đặc “vũ”, phú đặc “kiều”, thì hai chữ vũ, kiều ấy không biết chỉ đích là lấy ở bài thơ nào*” [3, tr.189].

## 2. Phú đặc trong thơ ngự chế

Vua Minh Mệnh là vị vua không những giỏi chính sự, chăm cần chánh, yêu dân, kính thiên, sớm

tối chăm chăm chưa từng biếng nhác. Nhưng những lúc nhàn rỗi, vua tối tụ hội, thông thả nhàn du, vua có làm được rất nhiều thơ. Theo nghiên cứu của chúng tôi hiện nay số bài thơ là 3.600 bài, được in trong *Ngự chế thi tập* và *Ngự chế thiên cơ dự triệu thi*. Trong số đó có các thể thơ từ cổ kim thể cách đều có đủ. Đọc ngự chế thi tập từ *sơ tập* đến *lục tập* của vua Minh Mệnh chúng tôi nhận thấy rất nhiều bài thơ có đầu đề là “phú đặc”. Theo thống kê toàn ngự thi có 87 bài làm theo thể này. Thể thơ phú đặc này được vua chọn nhiều đề tài thuộc về các bài thơ của các thi nhân ở Trung Quốc như: Đới Thúc Luân, Nam Dương Chư Cát Lư, Thanh Đạo Quang, Đường Thái Tông, Thanh Nhân Tông, Sơn Huy Xuyên, Đường Bao Hà, Lí Bạch...

Số bài thơ thuộc thể phú đặc trong các tập phân bổ như sau:

Tên bộ sách	Số bài thơ
<i>Ngự chế thi sơ tập</i>	2
<i>Ngự chế thi nhị tập</i>	3
<i>Ngự chế thi tam tập</i>	4
<i>Ngự chế thi tứ tập</i>	23
<i>Ngự chế thi ngũ tập</i>	34
<i>Ngự chế thi lục tập</i>	21
<b>Tổng cộng</b>	<b>87</b>

賦得靜夜思步李白原韻 *Phú đặc Tĩnh Dạ*  
*Tứ bộ Lí Bạch nguyên vận, 賦得月過十五尚光明*  
 (得朋字) *Phú đặc nguyệt quá thập ngũ thượng*  
*quang minh (đắc bằng tự); 賦得南方草木不悲愁*  
 (得妍字五言六韻) *Phú đặc Nam phương thảo*  
*mộc bất bi sầu (đắc nghiên tự ngũ ngôn lục vận);*  
*賦得春色滿皇州詩一首五言排律八韻*  
 (得州字此題用考朝官科目出身者) *Phú đặc xuân*  
*sắc mãn hoàng châu thi nhất thủ ngũ ngôn bài luật*  
*bát vận (đắc châu tự thủ đề dụng khảo triều quan*  
*khoa mục xuất thân giả); 賦得夏日舒長*  
*Phú đặc hạ nhật thư trường;*

賦得秋月揚明輝五言排律一首六韻 *Phú*  
*đặc thu nguyệt dương minh huy ngũ ngôn bài luật*  
*nhất thủ lục vận; 賦得民和年豐即步清道光*  
*帝初集詩原韻*  
*Phú đặc dân hòa niên phong tức*  
*bộ Thanh Đạo Quang đế Sơ tập thi nguyên vận...*

Thể thơ phú đặc có thể là những bài thơ ngũ ngôn bài luật bát cú hay thập nhị cú, hay thập lục cú. Tùy vào tác giả làm bài thơ dài hay ngắn, chỉ cần phù hợp với thể thơ này là được.

## 3. Giới thiệu một số bài thơ thuộc thể phú đặc

Trong 87 bài thơ thuộc thể phú đặc, chúng

tôi xin lựa chọn một vài bài để giới thiệu nội dung, thơ này.  
qua đó thấy được vua Minh Mệnh rất am tường thể

Bài 1:

<p>賦得民和年豐即步清道光帝初 集詩原韻</p> <p>國慶時方泰， 政平民乃和。 施威除外患， 敷教秩南訛。 地作膏腴比， 人興廉讓科。 閭閻謀奪少， 畎畝力勤多。 倉已盈秋穀， 野將茂夏禾。 鳴笳無戍嘆， 擊壤有農歌。 薄變醇於里， 刀成犢在坡。 皆天之所賜， 福履永其那。(多也)</p>	<p><i>Phú đắc dân hòa niên phong tức bộ Thanh Đạo Quang đế Sơ tập thi nguyên vận</i></p> <p><i>Quốc khánh thời phương thái, Chính bình dân nãi hòa. Thi uy trừ ngoại hoạn, Phu giáo trật Nam ngoa. Địa tác cao du tỉ, Nhân hưng liêm nhượng khoa. Lư diêm mưu đoạt thiểu, Quyển mẫu lực cần đa. Thương dĩ doanh thu cốc, Dã tương mậu hạ hòa. Minh già vô thú thán, Kích nhượng hữu nông ca. Bạc biến thuần ư lý, Đao thành độc tại pha. Giai thiên chi sở tứ, Phúc lý vĩnh kì na (đa dã).</i></p>
--	--

**Bài phú đắc dân yên năm được mùa, thơ ngũ ngôn 8 vắn, làm theo nguyên vận vắn hòa, bài thơ ở tập đầu của hoàng đế Đạo Quang nhà Thanh**

Mừng cho đất nước đang ở thời thái bình,  
Nền chính trị yên ổn nhân dân yên vui.  
Ra uy để trừ đi mối lo bên ngoài,  
Giáo hóa định theo thứ tự ở phương Nam.  
Ruộng đất chọn những nơi nhiều màu mỡ,  
Chọn người nên tuyển chọn kẻ liêm chính khiêm nhường.  
Nơi xóm làng kẻ trộm cướp voi dân,  
Ngoài ruộng đồng dân cố gắng chuyên cần nhiều hơn.  
Lúa mùa thu đã chất đầy trong kho,  
Ngoài ruộng đồng lúa hè đã lên tốt.  
Nghe tiếng tù và gọi mà không phải than đi lính,  
Có tiếng hát của nhà nông khi đời thái bình yên ổn.  
Trong làng thối bạc béo chuyển thành thuần hậu,  
Việc chém giết chuyển sang cày cấy tại ruộng.

Tất cả đều do trời ban cho cả,  
Phúc lộc lâu bền nhiều như thế.

Bài 2:

<p><b>賦得御園芳艸<sup>(1)</sup>得芳字五言排律四韻</b> <b>戲用每句分藏天雲日月雨露風霜八字</b></p> <p>九月花尤豔, 秋天草正芳. 凌霜莖愈直, 沐雨穗舒長. 露湛青葱秀, 風傳馥郁揚. 雲覃翠徑濕, 日煖綠茵涼.</p>	<p><i>Phú đắc ngự viên phương thảo (đắc phương tự ngũ ngôn bài luật tứ vận, hý dụng mỗi cú phân tàng thiên, vân, nhật, nguyệt, vũ, lộ, phong, sương bát tự)</i></p> <p><i>Cửu nguyệt hoa vưu diễm, Thu thiên thảo chính phương. Lăng sương hành dĩ trực, Mộc vũ tuệ thư trường. Lộ tràm thanh thông tú, Phong truyền phúc úc dương. Vân đàm thủy kính thấp, Nhật noãn lục nhân lương.</i></p>
--	---

**Bài phú đắc cỏ thơm vườn ngự (thơ ngũ ngôn bài luật 4 vận, dùng vận phương, mỗi câu chia, ẩn 8 chữ thiên, vân, nhật, nguyệt, vũ, lộ, phong, sương)**

Tháng chín hoa càng đẹp,  
Mùa thu chính là lúc cỏ thơm nhất.  
Tầm sương cây cỏ càng phát triển,  
Tắm được mưa cây lúa tốt đều.  
Sương nhiều hành tươi tốt,  
Gió thổi đến hương thơm bốc ngào ngạt.  
Mây tới đường cỏ xanh ẩm ướt,  
Nắng ấm lên cây cỏ xanh mát.

(Ngự chế thi tứ tập, quyển 9, tờ 25b-26a)

Bài 3:

<p><b>賦得虹藏不見<sup>(2)</sup>(得藏字五言排律四韻)</b></p> <p>冬天蟲既蟄, 寒日棘應藏. 何必飲清澗, 無須架彩梁. 迴光遮曉影,</p>	<p><i>Phú đắc hồng tàng bất kiến (đắc tàng tự ngũ ngôn bài luật tứ vận)</i></p> <p><i>Đông thiên trùng kí chập, Hàn nhật đống ứng tàng. Hà tất ẩm thanh giản, Vô tu giá thái lương. Hồi quang gia hiếu ảnh, Phản chiếu tịch tà dương.</i></p>	<p><b>Bài phú đắc Cầu vồng ẩn không thấy (dùng vận tàng thể ngũ ngôn bài luật 4 vận)</b></p> <p>Mùa đông sâu đã trốn xuống đất, Ngày lạnh cầu vồng không xuất hiện. Đâu cần uống nước khe trong, Không cần gác ánh sáng lên chiếc cầu cao. Ánh sáng che cả bóng buổi sáng, Phản chiếu ánh mặt trời lúc chiều tà. Thời tiết thuận lợi tinh thần thoái mái,</p>
---	---	---

返照寂斜陽。 節順從舒卷， 氣和宇宙祥。	<i>Tiết thuận tòng thư quyển, Khí hòa vũ trụ tường.</i>	Khí hòa là điềm lành của trời đất.
----------------------------	---	------------------------------------

## Bài 4:

<p><b>賦得木向榮<sup>(3)</sup></b> <b>(得榮字五言排律六韻)</b></p> <p>三陽調淑氣， 萬樹竟咸榮。 細葉纔初放， 新葩復嫩萌。 李桃肥榮重， 楊柳瘦枝輕。 嶺岫青光聳， 園林翠色橫。 直穿叢過蝶， 高舉木遷鶯。 總是山川秀， 無非雨露成。</p>	<p><b>Phú đắc mộc hướng vinh</b> <b>(đắc vinh tự ngũ ngôn bài</b> <b>luật lục vận)</b></p> <p><i>Tam dương điều thực khí, Vạn thụ cánh hàm vinh. Tế diệp tài sơ phóng, Tân ba phục nộn manh. Lý đào phì nhụy trọng, Dương liễu sấu chi khinh. Lãnh tụ thanh quang tủng, Viên lâm thúy sắc hoành. Trực xuyên tùng quá điệp, Cao cử mộc thiên oanh. Tổng thị sơn xuyên tú, Vô phi vũ lộ thành.</i></p>	<p><b>Bài phú đắc cây vươn lên tốt (làm theo thể ngũ ngôn bài luật sáu vần dùng chữ vinh làm vần)</b></p> <p>Mặt trời, mặt trăng, sao điều hòa khí hậu trong trời, Muôn cây đều vươn lên tươi tốt. Các lá nhỏ mới vừa mọc ra, Hoa thơm vừa mới nở. Đào lý hoa đơm hoa lớn, Dương liễu cành gầy hom. Núi cao xanh cao ngút, Vườn cây sắc xanh một dải. Bướm bay xuyên rừng rậm, Cây cao nâng chim oanh đến. Tất cả đều do sông núi đẹp, Nhưng chẳng phải không do mưa sương làm nên.</p>
---	--	---

(Ngự chế thi lục tập, quyển 5, tờ 11a)

## Bài 5:

<p><b>賦得日煖萬年枝<sup>(4)</sup></b> <b>得枝字五言排律六韻</b></p> <p>群陽祖一照， 春煖萬年枝。 麗景輝煌耀， 和風鼓舞吹。 清光流鳳闕， 綠影蔭龍池。 秀葉留千載， 芳華被四時。 乾坤長發育， 雨露屢霑滋。 雲霧常遮覆， 山川永作基。</p>	<p><b>Phú đắc nhật noãn vạn niên chi</b> <b>(đắc chi tự ngũ ngôn bài luật lục vận)</b></p> <p><i>Quần dương tổ nhất chiếu,</i> <i>Xuân noãn vạn niên chi.</i> <i>Lệ cảnh huy hoàng diệu,</i> <i>Hòa phong cổ vũ xuy.</i> <i>Thanh quang lưu phương khuyết,</i> <i>Lục ánh ảm long trì.</i> <i>Tú diệp lưu thiên tài,</i> <i>Phương hoa bị tứ thì.</i> <i>Càn khôn trường phát dục,</i> <i>Vũ lộ lữ chiêm tư.</i> <i>Vân vụ thường già phúc,</i> <i>Sơn xuyên vĩnh tác cơ.</i></p>	<p><b>Bài phú đắc ngày xuân ấm áp cây cối vạn năm sinh, dùng vần chi ngũ ngôn bài luật, sáu vần</b></p> <p>Khi mặt trời chiếu rọi, Xuân ấm vạn năm sinh. Cảnh đẹp huy hoàng sáng, Gió cứ thổi đều đều. Nước trong tuôn cửa cung, Bóng râm chón ao rộng. Lá tốt còn lưu mãi, Hoa thơm nở bốn mùa. Trời đất nuôi nấng mãi, Mưa sương mãi thấm nhuần. Mây mù thường che khuất, Sông núi mãi làm nền.</p>
---	---	---

## Bài 6:

<p><b>賦得出水芙蓉<sup>(5)</sup></b> <b>(得天字五言排律六韻)</b></p> <p>拂拂薰風日， 明明麗景天。 波分莖矗矗， 傘遮葉圓圓。 菡萏芳紅艷， 捲舒翠綠鮮。 乍開迎日向， 纔放已香傳。 鯉鯉沈潛弄， 鴛鴦戲泳穿。 禽魚相與樂， 雲水久長緣。</p>	<p><b>Phú đắc xuất thủy phù dung</b> <b>(đắc thiên tự ngũ ngôn bài luật lục vận)</b></p> <p><i>Phất phất huân phong nhật,</i> <i>Minh minh lệ cảnh thiên.</i> <i>Ba phân hành súc súc,</i> <i>Tản giã diệp viên viên.</i> <i>Hạm đạm phương hồng diễm,</i> <i>Quyển thư thủy lục tiên.</i> <i>Sạ khai nghênh nhật hướng,</i> <i>Tài phóng dĩ hương truyền.</i> <i>Lí tức trầm tiềm lộng,</i> <i>Uyên ương hí vịnh xuyên.</i> <i>Cầm ngư tương dữ lạc,</i> <i>Vân thủy cửu trường duyên.</i></p>	<p><b>Bài phú đắc hoa Phù dung nhô lên mặt nước, dùng vần thiên, ngũ ngôn bài luật sáu vần</b></p> <p>Phất phất ngày gió nam thổi, Sáng tỏ cảnh trời xinh. Rẽ sóng nổi cuộn cuộn, Ô che là tròn tròn. Hương sen thơm hồng diễm, Ẩn hiện một màu xanh. Chợt mở đón ánh mặt trời, Mới nở đã truyền hương. Cá diếc, cá chép tung tăng bơi lội, Như đôi uyên ương đùa vui. Chim cá cùng vui vẻ, Mây nước duyên đã lâu.</p>
--	---	--

(Ngữ chế thi lục tập, quyển 6, tờ 29b)

## Bài 7:

<p>賦得秋江晴嶂<sup>(6)</sup>(得湘字五言排律六韻) 晨風來北嶺, 曉色耀南湘。 霧散隨江斂, 雲歸遠岫藏。 日光波濺灩, 秋氣水滄涼。 林麓三分鬱, 山巖一望長。 人遊澄朗景, 物在曠平岡。 何必五湖泛, 此應三白觴。</p>	<p><i>Phú đắc thu giang tình chướng (đắc tương tự ngũ ngôn bài luật lục vận)</i> <i>Thần phong lai Bắc lĩnh,</i> <i>Hiểu sắc diệu Nam Tương.</i> <i>Vụ tán tùy giang liễm,</i> <i>Vân quy viễn tụ tàng.</i> <i>Nhật quang ba liễm liễm,</i> <i>Thu khí thủy thương lương.</i> <i>Lâm lộc tam phân uất,</i> <i>Sơn nham nhất vọng trường.</i> <i>Nhân du trừng lãng cảnh,</i> <i>Vật tại khoáng bình cương.</i> <i>Hà tất Ngũ Hồ phiếm,</i> <i>Thử ưng tam bạch thương.</i></p>	<p><b>Bài phú đắc sông thu núi tạnh (dùng chữ tương làm vần theo thể ngũ ngôn bài luật sáu vận)</b> Gió sớm thổi đến núi phía Bắc, Cảnh sắc buổi sáng rực rỡ phía nam sông Tương. Mù tan theo tụ lại ở bên sông, Mây về ẩn trên núi xa. Ánh sáng mặt trời lên sóng nước mênh mang, Không khí trời thu nước mát mẻ. Rừng núi ba phần tươi tốt, Lên núi cao nhìn trông xa. Người du ngoạn trầm ngâm trong cảnh đẹp, Muôn vật ở nơi sườn núi bằng rộng. Hà tất gì phải thả thuyền nơi Ngũ Hồ, Nên theo ba chén rượu trắng này.</p>
--	--	---

## Bài 8:

<p>賦得婀娜當軒織<sup>(7)</sup>(得工字五言排律六韻) 七月完蠶事, 仲秋勤女工。 千絲排軸上, 一貫入機中。 夜織挑燈碧, 晨餐對日紅。 細腰依杼倦, 纖手弗梭空。 綵服人榮體, 布衣彼蔽躬。 能無念及此, 錦綉動吾衷。</p>	<p><i>Phú đắc A Na đương hiên chức (đắc công tự ngũ ngôn bài luật lục vận)</i> <i>Thất nguyệt hoàn tầm sự,</i> <i>Trọng thu cần nữ công.</i> <i>Thiên ti bài trục thượng.</i> <i>Nhất quán nhập cơ trung,</i> <i>Dạ chức khiêu đặng bích.</i> <i>Thần xan đối nhật hồng,</i> <i>Tế yêu y trĩu quyện.</i> <i>Tiêm thủ phát thoa không,</i> <i>Thái phục nhân vinh thế.</i> <i>Bố y bỉ tế cung,</i> <i>Năng vô niệm cập thử,</i> <i>Cẩm tú động ngô trung</i></p>	<p><b>Bài phú đắc A Na đang dệt vải dưới mái hiên, dùng chữ công làm vần theo thể ngũ ngôn bài luật, sáu vận</b> Tháng bảy việc nuôi tằm đã xong, Giữa mùa thu người nữ công chăm chỉ. Ngàn sợi tơ bày lên trục dệt, Tất cả đều được đưa sợi vào thoi dệt. Đêm ngồi dệt khêu đèn ánh sáng màu xanh, Đến bữa cơm sáng thì mặt trời đã tỏ. Người phụ nữ dựa thoi mệt mỏi, Bàn tay nhỏ chẳng chút rời thoi. Áo đẹp tô điểm cho người thêm sang, Còn áo vải che được thân mình. Nếu không nghĩ đến điều ấy, Thì gấm vóc đã khiến ta động lòng.</p>
---	---	--

## Bài 9:

<p><b>賦得山樹鬱蒼蒼</b>          山林觀鬱鬱          古樹望蒼蒼          老幹千年久          喬枝百尺長          葉垂巖佈蔭          花滿嶺舒光          日照添來翠          風傳遠送香          不撓霜雪染          誰敢斧斤傷          留作棟梁器          美材用廟堂</p>	<p><b>Phú đắc sơn thụ uất thương thương</b>          Sơn lâm quan uất uất,          Cổ thụ vọng thương thương.          Lão cán thiên niên cửu,          Kiêu chi bách xích trường.          Diệp thùy nham bố âm,          Hoa mãn lĩnh thư quang.          Nhật chiếu thêm lai thủy,          Phong truyền viễn tống hương.          Bất nạo sương tuyết nhiễm,          Thùy cảm phủ cân thương.          Lưu tác đống lương khí,          Mĩ tài dụng miếu đường.</p>	<p><b>Bài phú đắc cây trên núi tươi xanh rậm rạp</b>          Xem trong rừng núi cây cối xanh ngắt,          Trông những cây cổ thụ nhiều bao la.          Cây già sống lâu cả ngàn năm tuổi,          Cành cao dài cả đến trăm thước.          Lá cây rủ xuống khắp núi râm mát,          Hoa nở đầy núi tạo vẻ dễ chịu.          Mặt trời chiếu đến lại thêm vẻ xanh biếc,          Gió thổi qua đưa hương bay đi xa.          Cây không bị khuất phục bởi tuyết sương,          Ai dám mang búa rìu đến làm tổn thương cây.          Giữ cây lại để làm cột làm xà.          Cây đẹp thì dùng để xây miếu đường.</p>
---	---	---

#### 4. Thay lời kết

Trong 87 bài thơ thuộc thể phú đắc, bao gồm các dạng ngũ ngôn bát cú, ngũ ngôn thập nhị cú, ngũ ngôn thập lục cú, chứng tỏ thể loại này không quy định độ dài ngắn như thơ Đường luật. Tùy vào từng người làm mà bài thơ có thể dài ngắn tùy ý.

Mặc dù là thể thơ khó làm nhưng khi đọc ngự chế thi tập chúng tôi thống kê được 87 bài thuộc thể loại này chứng tỏ vua Minh Mệnh cũng khá tâm đắc. Bởi như chúng tôi đã nói ở trên, thể thơ này chỉ thịnh hành trong thi cử, tuyển chọn quan lại. Sách *Đại Nam thực lục* cho biết: “*Vua dụ bộ Lễ rằng: “Phép thi Hương, thi Hội trước đã từng đổi văn thể tam trường, nay nghĩ: việc sửa sang đổi mới, nên phải có bản mẫu hành văn để cho học giả dễ bề nhận xét. Vậy, ra lệnh cho Phan Bá Đạt, Tả phó Đô ngự sử viện Đô sát trông coi việc ấy. Chọn các thuộc viên trong Lục bộ, Nội các và viện lấy mỗi nơi 1 người có khoa mục và 12 người viết chữ tốt để theo làm. Xét rõ thể văn tam trường của Bắc triều xem bài nào bình chính, thông suốt, có thể làm mẫu mực thì chọn lấy 30 bài kinh nghĩa bát cổ, 20 bài thơ ngũ ngôn và thất ngôn có nêu hai chữ “phú đắc” ở đầu, 20 bài phú luật, 10 bài văn sách, viết tình tường thành 31 bộ,*

*chia đưa cho Quốc tử giám và học quan các địa phương ngoài Kinh, cứ theo đây mà dạy học trò học tập. Lại truyền lệnh tập hợp các học trò trong hạt sao chép ra”* [2, tr.582].

Qua đoạn văn ghi chép trên, có thể thấy rằng, lối thi Hương, thi Hội đã dùng thể thơ này để làm đề thi. Tuy vậy, vua Minh Mệnh không dùng lối thơ này để làm mục đích đó. Vua Minh Mệnh giỏi thơ văn am tường thi luật, niêm đối chặt chẽ nên mặc dù thể thơ không cần niêm luật chặt chẽ, nhưng qua một số bài thơ trên, chúng ta có thể nhận thấy niêm luật trong các bài đều tuân thủ đúng với quy cách. Nội dung trong thể thơ này làm cũng không nằm ngoài quan điểm làm thơ của vua Minh Mệnh “*những bài ta làm phần nhiều liên quan đến việc tự răn mình về những lễ kính trời, yêu dân, theo dõi nắng mưa để xem thời, chẳng phải là những lời hoa mỹ để vui lòng người nghe”*.

Nhiều bài thơ thể “phú đắc” có nội dung ca ngợi cảnh để đô tươi đẹp, thiên nhiên đa dạng như trăng, gió, hoa cỏ, cây cối,... qua đó có thể nhận thấy ở vua Minh Mệnh có sự giao hòa với thiên nhiên. Đó là một thiên nhiên gần gũi, một ánh trăng trên biển, một tiếng dế mèn kêu trong bờ tường, một sắc xanh của cây núi, đều được vua Minh Mệnh đưa vào trong thơ.



**Chú thích:**

- (1): Lấy tiêu đề bài thơ của 《賦得御園芳草》 là của thi nhân đời Đường Lục Chuế 唐代诗人 陆贄所作诗词之
- (2): Lấy tiêu đề bài thơ của 唐 徐敞:
- (3): Đây là bài thơ lấy theo ý thơ của Trịnh Cốc đời Đường 郑谷 (唐) 的 《咸通十四年府试木向荣 (题中用韵)》
- (4): Đây là đầu đề bài thơ của Vương Ước đời Đường (日暖萬年枝)
- (5): Đây là bài thơ lấy theo ý thơ của bài 《賦得芙蓉出水》 của thi nhân Trần Chí đời Đường 是唐代诗人陈至的诗词之一
- (6): Đây là bài thơ lấy theo ý thơ của bài: 顧愷之秋江晴嶂 (Cổ khai chi thu giang tình chương)
- (7): Bài thơ này vua Minh Mệnh mượn đề của Nam triều Trần Tiêu Thuyên 南朝陈 萧铨 (賦得婀娜当轩织诗)

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- [1] Nguyễn Thanh Châu (2002), *Giáo trình Thể loại thơ văn Trung đại Việt Nam*, Đại học Đà Lạt.
- [2] *Quốc sử quán triều Nguyễn, Đại Nam thực lục (bản dịch tập 3)*, (2002), NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [3] *Quốc sử quán triều Nguyễn, Đại Nam thực lục (bản dịch tập 5)*, (2002), NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [4] 康熙字典, 漢語大詞典出版社.
- [5] *Minh Mệnh, Ngự chế thi Sơ tập – Lục tập*, kí hiệu A.134, TVVNCHN.
- [6] <http://home.educities.edu.tw/bise/big5/tools/poemnoun.htm#> 【賦得】